

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến;

Căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoạt động Sáng kiến trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế các quyết định sau: Quyết định số 2561/QĐ-UBND ngày 25/11/2011 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định công nhận sáng kiến, giải pháp hữu ích trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Quyết định số 2562/QĐ-UBND ngày 25/11/2011 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định công nhận sáng kiến, giải pháp hữu ích trong tổ

chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 14/6/2012 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 2561/QĐ-UBND ngày 25/11/2011 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định công nhận sáng kiến, giải pháp hữu ích trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, Thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. ↴

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh, các CV;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh

QUY ĐỊNH

Về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 28 /2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2016 của UBND tỉnh Cao Bằng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về sáng kiến và các điều kiện, thủ tục công nhận sáng kiến, thẩm quyền xét công nhận sáng kiến; quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến và người tham gia hoạt động sáng kiến, các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến và quản lý nhà nước về hoạt động sáng kiến của tỉnh Cao Bằng.

2. Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân có hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

3. Các nội dung khác không quy định tại Quy định này, thực hiện theo các văn bản khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hoạt động sáng kiến* bao gồm các hoạt động tạo ra sáng kiến, áp dụng sáng kiến, công nhận sáng kiến, thực hiện quyền và nghĩa vụ liên quan đến sáng kiến.

2. *Chuyển giao sáng kiến* là việc truyền đạt toàn bộ kiến thức, thông tin về sáng kiến để người được chuyển giao có thể áp dụng sáng kiến.

3. *Áp dụng sáng kiến lần đầu* là việc áp dụng sáng kiến lần đầu tiên, kể cả việc áp dụng thử.

4. *Cơ sở* là cơ quan, tổ chức được thành lập theo pháp luật, có thể nhân danh chính mình tham gia quan hệ pháp luật dân sự một cách độc lập.

5. *Tác giả sáng kiến* là người trực tiếp tạo ra sáng kiến bằng chính lao động sáng tạo của mình. Đồng tác giả sáng kiến là những tác giả cùng tạo ra sáng kiến.

6. *Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến* là cơ quan, tổ chức, cá nhân đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật dưới các hình thức: giao việc, thuê việc hoặc các hình thức khác cho tác giả để tạo ra sáng kiến.

7. *Sáng kiến cấp cơ sở* là sáng kiến đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 quy định này trong phạm vi cơ quan, đơn vị và được Thủ trưởng đơn vị quyết định công nhận.

8. *Sáng kiến cấp tỉnh* là sáng kiến đáp ứng các điều kiện tại Điều 4 quy định này trong phạm vi toàn tỉnh và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận.

9. *Hội đồng sáng kiến chuyên môn* do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập theo các lĩnh vực chuyên môn.

Điều 3. Đối tượng được công nhận sáng kiến

Đối tượng được công nhận là sáng kiến gồm các giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật (gọi chung là giải pháp). Các giải pháp này được hiểu như sau:

1. Giải pháp kỹ thuật là cách thức kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nhằm giải quyết một nhiệm vụ (một vấn đề) xác định, bao gồm:

a) Sản phẩm, dưới các dạng: vật thể (ví dụ: dụng cụ, máy móc, thiết bị, linh kiện); chất (ví dụ: vật liệu, chất liệu, thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm); vật liệu sinh học (ví dụ: chủng vi sinh, chế phẩm sinh học, gen, thực vật, động vật biến đổi gen); hoặc giống cây trồng, giống vật nuôi;

b) Quy trình (ví dụ: quy trình công nghệ; quy trình chẩn đoán, dự báo, kiểm tra, xử lý, kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt; quy trình chẩn đoán, chữa bệnh cho người, động vật và thực vật...).

2. Giải pháp quản lý là cách thức tổ chức, điều hành công việc thuộc bất kỳ lĩnh vực hoạt động nào, trong đó có:

a) Phương pháp tổ chức công việc (ví dụ: bố trí nhân lực, máy móc, thiết bị, dụng cụ, nguyên liệu, vật liệu);

b) Phương pháp điều hành, kiểm tra, giám sát công việc.

3. Giải pháp tác nghiệp bao gồm các phương pháp thực hiện các thao tác kỹ thuật, nghiệp vụ trong công việc thuộc bất kỳ lĩnh vực hoạt động nào, trong đó có:

a) Phương pháp thực hiện các thủ tục hành chính (ví dụ: tiếp nhận, xử lý hồ sơ, đơn thư, tài liệu);

b) Phương pháp thẩm định, giám định, tư vấn, đánh giá;

c) Phương pháp tuyên truyền, đào tạo, giảng dạy, huấn luyện;

d) Phương pháp huấn luyện động vật; ...

4. Giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật là phương pháp, cách thức hoặc biện pháp áp dụng một giải pháp kỹ thuật đã biết vào thực tiễn.

Điều 4. Các điều kiện được công nhận sáng kiến

1. Sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp, Hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật (gọi chung là giải pháp), được cơ sở công nhận và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Có tính mới trong phạm vi cơ sở đó;

b) Đã được áp dụng hoặc áp dụng thử tại cơ sở đó và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực.

c) Không thuộc đối tượng bị loại trừ quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Các đối tượng sau đây không được công nhận là sáng kiến:

a) Giải pháp mà việc công bố, áp dụng giải pháp trái với trật tự công cộng hoặc đạo đức xã hội;

b) Giải pháp là đối tượng đang được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm xét công nhận sáng kiến.

3. Một giải pháp được coi là có tính mới trong phạm vi một cơ sở nếu tính đến trước ngày nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, hoặc ngày bắt đầu (tính theo ngày nào sớm hơn), trong phạm vi cơ sở đó, giải pháp đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Không trùng với nội dung của giải pháp trong đơn đăng ký sáng kiến nộp trước;

b) Chưa bị bộc lộ công khai trong các văn bản, sách báo, tài liệu kỹ thuật đến mức căn cứ vào đó có thể thực hiện ngay được;

c) Không trùng với các giải pháp của người khác đã được áp dụng hoặc áp dụng thử, hoặc đưa vào kế hoạch áp dụng, phổ biến hoặc chuẩn bị các điều kiện để áp dụng, phổ biến;

d) Chưa được quy định thành tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm bắt buộc phải thực hiện.

4. Một giải pháp được coi là có khả năng mang lại lợi ích thiết thực nếu việc áp dụng giải pháp đó có khả năng mang lại hiệu quả kinh tế (ví dụ nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, nâng cao hiệu quả kỹ thuật), hoặc lợi ích xã hội (ví dụ nâng cao điều kiện an toàn lao động, cải thiện điều kiện sống, làm việc, bảo vệ môi trường, sức khỏe con người).

Chương II

HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN

Điều 5. Hội đồng sáng kiến

1. Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở:

a) Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thành lập.

b) Thành phần Hội đồng gồm có: Chủ tịch, Phó chủ tịch, các uỷ viên và thư ký Hội đồng; Số lượng 7 đến 9 thành viên.

c) Cơ quan Thường trực Hội đồng cơ sở là cơ quan (hoặc bộ phận) Thường trực Hội đồng thi đua - Khen thưởng cùng cấp.

d) Khi cần thiết, Chủ tịch Hội đồng cơ sở có thể mời những người có chuyên môn cao, có kinh nghiệm tham gia tư vấn về lĩnh vực sáng kiến đề nghị công nhận.

2. Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh:

a) Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập.

b) Cơ quan Thường trực của Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh là Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng.

c) Thành phần Hội đồng: Chủ tịch Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ là Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng; Các uỷ viên gồm đại diện lãnh đạo các đơn vị: Sở Nội vụ (Ban thi đua - khen thưởng), Liên đoàn Lao động tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ; Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh; các sở, ban, ngành liên quan; thư ký và một số chuyên gia, người có trình độ chuyên môn, quản lý, có năng lực đánh giá, thẩm định về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến; số lượng thành viên Hội đồng từ 9 đến 11 thành viên.

Điều 6. Nhiệm vụ của Hội đồng sáng kiến và cơ quan thường trực

1. Nhiệm vụ của Hội đồng sáng kiến:

a) Hội đồng sáng kiến có nhiệm vụ tổ chức đánh giá một cách khách quan, trung thực giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến theo các điều kiện tại điều 4 của quy định này và lập báo cáo đánh giá, trong đó phản ánh đầy đủ ý kiến của các thành viên, kết quả biểu quyết của Hội đồng;

b) Tổ chức xét duyệt và trình người có thẩm quyền công nhận sáng kiến;

c) Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về giữ bí mật, công bố thông tin có liên quan đến sáng kiến.

2. Nhiệm vụ của cơ quan thường trực

a) Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập các Hội đồng chuyên môn để đánh giá sáng kiến theo các lĩnh vực, mỗi Hội đồng có 3 thành viên.

b) Trên cơ sở kết quả của các Hội đồng chuyên môn, Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh tổ chức họp đánh giá sáng kiến. Quyết định của Hội đồng được thông qua theo nguyên tắc bỏ phiếu kín với ít nhất 2/3 ý kiến đồng ý của các thành viên Hội đồng.

Điều 7. Phương pháp làm việc của Hội đồng sáng kiến

1. Phương pháp làm việc của Hội đồng

a) Thành viên của Hội đồng sáng kiến xem xét từng hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến và có ý kiến nhận xét, đánh giá vào Phiếu nhận xét, đánh giá độc lập bằng phiếu kín.

b) Trong từng tiêu chuẩn, các thành viên Hội đồng chỉ chọn 01 (một) trong các nội dung tương ứng theo thang điểm tại khoản 2 điều này và đánh giá, nhận xét, cho điểm vào ô trống tương ứng theo từng tiêu chí;

c) Khi cần thiết, Hội đồng sáng kiến mời cá nhân có đơn đề nghị công nhận sáng kiến đến dự họp để trình bày (bảo vệ) sáng kiến của mình.

2. Phương pháp chấm điểm

a) Thang điểm:

STT	Tiêu chí	Điểm
I	Sáng kiến có tính mới, tính sáng tạo (chỉ chọn 01 trong 04 nội dung bên dưới)	30
1	Hoàn toàn mới, được áp dụng đầu tiên	27-30
2	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ khá	22-26
3	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ trung bình	17-21
4	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ ít	01-16
II	Sáng kiến có khả năng áp dụng (chỉ chọn 01 trong 04 nội dung bên dưới)	30
1	Có khả năng áp dụng trong toàn tỉnh hoặc ngoài tỉnh	27-30
2	Có khả năng áp dụng trong ngành, lĩnh vực	22-26
3	Có khả năng áp dụng trong đơn vị	17-21
4	Có khả năng áp dụng ít trong đơn vị	01-16
III	Tính hiệu quả trong sáng kiến (chỉ chọn 01 trong 04 nội dung bên dưới)	40
1	Có hiệu quả cao	36-40
2	Có hiệu quả mức độ khá	31-35
3	Có hiệu quả mức độ trung bình	26-30
4	Có hiệu quả ít	01-25
	Tổng điểm: (là điểm cộng của 03 Mục: I, II và III)	100

b) Các thành viên Hội đồng đánh giá sáng kiến bằng cách chấm điểm theo thang điểm đã quy định. Phiếu hợp lệ là phiếu chấm điểm bằng hoặc thấp hơn điểm tối đa đã ghi trên phiếu tương ứng cho từng tiêu chí đánh giá.

Điều 8. Xếp loại sáng kiến

Sáng kiến được đánh giá, xếp loại ở mức “Đạt” phải có điểm bình quân của các thành viên đánh giá từ 60 điểm trở lên (theo thang điểm 100), không có tiêu chí nào dưới 17 điểm và có ít nhất 2/3 số thành viên đánh giá ở mức độ “Đạt”. Sáng kiến được đánh giá, xếp loại ở mức độ “Đạt” được xếp theo các loại sau đây:

a) Sáng kiến được xếp loại A (tốt): Có số tổng điểm trung bình đạt từ 90 điểm trở lên;

b) Sáng kiến được xếp loại B (Khá): Có tổng số điểm trung bình đạt từ 75 điểm đến dưới 90 điểm.

c) Sáng kiến được xếp loại C (Trung bình): Có tổng số điểm trung bình đạt từ 60 điểm đến dưới 75 điểm;

d) Sáng kiến được đánh giá, xếp loại ở mức “Không đạt”: Có điểm bình quân của các thành viên đánh giá dưới 60 điểm (theo thang điểm 100).

Chương III

THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ XÉT VÀ CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Điều 9. Thời gian tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Cấp cơ sở: Thời gian tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến do cơ sở quyết định.

2. Cấp tỉnh: Thời gian tiếp nhận hồ sơ sáng kiến cấp tỉnh được chia làm 2 đợt:

a) Đợt một: Từ ngày 10 đến ngày 20 tháng 02 hàng năm;

b) Đợt hai: Từ ngày 10 đến ngày 20 tháng 6 hàng năm.

3. Địa điểm nhận hồ sơ sáng kiến cấp tỉnh:

- Địa điểm: Tại Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng (nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện).

Địa chỉ: 070, phố Vườn Cam, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Điều 10. Công nhận sáng kiến

1. Công nhận sáng kiến cấp cơ sở:

a) Căn cứ kết quả xét công nhận sáng kiến, thường trực Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở hoàn tất thủ tục trình Thủ trưởng đơn vị quyết định công nhận;

b) Sáng kiến cấp cơ sở được công nhận hàng năm là căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở”.

2. Công nhận sáng kiến cấp tỉnh:

2.1. Việc xét công nhận sáng kiến được thực hiện theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 của quy định này và thực hiện các thủ tục sau đây:

a) Căn cứ kết quả xét công nhận sáng kiến của Hội đồng, Thường trực Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh hoàn tất thủ tục trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận và cấp giấy chứng nhận sáng kiến;

b) Từ chối công nhận sáng kiến trong trường hợp đối tượng nêu trong đơn không đáp ứng các điều kiện quy định định tại Điều 3 và Điều 4 của quy định này;

c) Sáng kiến cấp tỉnh được công nhận hàng năm là cơ sở xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”.

d) Sáng kiến cấp tỉnh được bảo lưu trong 3 năm kể từ năm được công nhận sáng kiến (Làm cơ sở để xét công nhận chiến sĩ thi đua cấp tỉnh hàng năm và đề nghị chiến sĩ thi đua toàn quốc).

đ) Mẫu giấy chứng nhận đề công nhận sáng kiến cấp cơ sở, cấp tỉnh thực hiện theo mẫu quy định.

2.2. Giấy chứng nhận sáng kiến phải có các thông tin sau đây:

a) Tên cơ sở công nhận sáng kiến;

b) Tên sáng kiến được công nhận;

c) Tác giả sáng kiến hoặc đồng tác giả sáng kiến;

d) Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến;

đ) Tóm tắt nội dung sáng kiến; lợi ích kinh tế - xã hội có thể thu được do việc áp dụng sáng kiến;

e) Những thông tin thích hợp khác do cơ sở công nhận sáng kiến quyết định.

3. Trường hợp sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất kỹ thuật, nếu người đứng đầu cơ sở công nhận sáng kiến chính là tác giả sáng kiến thì việc công nhận phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cơ sở xét công nhận sáng kiến là cơ quan, tổ chức của Nhà nước, việc công nhận sáng kiến phải được cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của cơ sở đó chấp thuận;

b) Trường hợp cơ sở xét công nhận sáng kiến không phải là cơ quan, tổ chức của Nhà nước, việc công nhận sáng kiến phải được Sở Khoa học và Công nghệ tại địa phương nơi cơ sở đó đóng trụ sở hoặc cơ quan, tổ chức nhà nước trực tiếp thực hiện việc đầu tư tạo ra sáng kiến chấp thuận.

Chương IV

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ ĐẦU TƯ TẠO RA SÁNG KIẾN, TÁC GIẢ SÁNG KIẾN VÀ NGƯỜI THAM GIA TỔ CHỨC ÁP DỤNG SÁNG KIẾN LẦN ĐẦU

Điều 11 Quyền của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu

1. Đối với sáng kiến đã được công nhận, chủ đầu tư tạo ra sáng kiến có các quyền sau đây:

a) Áp dụng sáng kiến;

b) Chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác áp dụng theo quy định của pháp luật.

2. Đối với sáng kiến đã được công nhận, tác giả sáng kiến có các quyền sau đây:

a) Được ghi nhận là tác giả sáng kiến trong Giấy chứng nhận sáng kiến và được nêu danh tác giả sáng kiến khi sáng kiến được phổ biến, giới thiệu;

b) Hưởng các chế độ khuyến khích khác theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và pháp luật về khoa học và công nghệ;

c) Áp dụng và chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp sáng kiến là đối tượng thuộc quyền sở hữu trí tuệ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, giữa tác giả sáng kiến và chủ đầu tư tạo ra sáng kiến có thoả thuận khác;

d) Các quyền quy định tại Khoản 1 Điều này, trong trường hợp tác giả sáng kiến đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

3. Đối với sáng kiến đã được công nhận, người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu có quyền nhận thù lao theo quy định tại Điều 12 Quy định này.

4. Tổ chức, cá nhân áp dụng sáng kiến phải chịu trách nhiệm pháp lý nếu việc áp dụng sáng kiến đó xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân khác.

Trường hợp chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến chuyển giao sáng kiến cho người khác áp dụng và việc áp dụng sáng kiến đó xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân khác, thì chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến (bên chuyển giao) phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên nhận chuyển giao do việc áp dụng sáng kiến đó gây ra, nếu giữa các bên có thoả thuận trong hợp đồng chuyển giao sáng kiến.

5. Tác giả sáng kiến không có quyền áp dụng hoặc chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác nếu có thoả thuận giữa chủ đầu tư tạo ra sáng kiến và tác giả sáng kiến, thể hiện trong các văn bản sau đây:

a) Hợp đồng (ví dụ: thoả thuận riêng bằng văn bản về quyền áp dụng và chuyển giao sáng kiến, hợp đồng đầu tư để tạo ra sáng kiến, hợp đồng thuê việc, hợp đồng lao động, hợp đồng tuyển dụng...);

b) Các quy định của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến mà tác giả là người lao động làm việc trong cơ quan, tổ chức phải tuân thủ (ví dụ: quy định về quyền và nghĩa vụ của người lao động, quy chế về hoạt động sáng kiến...).

Trường hợp có sự khác nhau trong quy định giữa các văn bản nêu tại Điểm a và Điểm b của Khoản 5 Điều này thì áp dụng quy định theo thoả thuận giữa các bên nêu tại Điểm a Khoản 5 Điều này.

6. Việc chuyển giao sáng kiến được thực hiện theo thoả thuận giữa các bên, theo quy định của pháp luật về hợp đồng dân sự, hợp đồng chuyển giao công nghệ, tùy thuộc vào nội dung thoả thuận và sáng kiến được chuyển giao.

Điều 12. Nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu

1. Đối với sáng kiến được công nhận ở cấp cơ sở và cấp tỉnh sử dụng làm cơ sở xét, công nhận các danh hiệu thi đua hàng năm cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thì không áp dụng việc trả thù lao.

2. Việc trả thù lao cho tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu thì nghĩa vụ trả thù lao được thực hiện theo quy định tại Điều

10 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày ngày 02/3/2012 và tại Điều 11 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01/8/2013.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ liên quan đến sáng kiến được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

Trong trường hợp sáng kiến đã được công nhận, sau đó được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ thì từ thời điểm quyền sở hữu trí tuệ được xác lập, các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ được áp dụng đối với sáng kiến đó, thay thế các quy định về sáng kiến.

Chương V

CÁC BIỆN PHÁP THỨC ĐẨY HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN

Điều 14. Phổ biến sáng kiến

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm thực hiện các biện pháp sau đây để phổ biến sáng kiến thuộc lĩnh vực quản lý của mình:

a) Tổ chức dịch vụ môi giới chuyên giao sáng kiến và các hình thức giao dịch về sáng kiến (hội chợ, triển lãm...) hỗ trợ việc triển khai sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật, hoặc sáng kiến của cá nhân, tổ chức không có đủ năng lực để áp dụng;

b) Hỗ trợ việc triển khai áp dụng sáng kiến lần đầu, thoả thuận và phối hợp với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến để công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi đối với những sáng kiến có khả năng áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích to lớn cho xã hội;

c) Công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi các sáng kiến là giải pháp quản lý và giải pháp tác nghiệp trong lĩnh vực quản lý hành chính, sự nghiệp của Nhà nước và các sáng kiến tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật.

2. Cơ quan, tổ chức trực tiếp cung cấp dịch vụ môi giới được thu phí môi giới theo mức thoả thuận với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

Điều 15. Khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp với các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh tiến hành các biện pháp nhằm thúc đẩy phong trào thi đua lao động sáng tạo trên địa bàn tỉnh Cao Bằng:

a) Tổ chức các hội thi sáng tạo, triển lãm kết quả lao động sáng tạo, Tuần lễ Sáng kiến quốc gia, tổng kết, khen thưởng hoạt động sáng kiến hàng năm và các hoạt động khác để tôn vinh tổ chức, cá nhân điển hình và biểu dương các sáng kiến có thể áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội;

b) Tổ chức các diễn đàn cho hoạt động sáng kiến, như trang tin điện tử, câu lạc bộ sáng tạo; phổ biến, tuyên truyền về các tổ chức, cá nhân điển hình trong phong trào thi đua sáng tạo.

2. Các cơ sở công nhận sáng kiến, các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có thể áp dụng các biện pháp sau đây nhằm khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tạo ra và áp dụng sáng kiến:

a) Ưu tiên xem xét nâng lương, thi đua khen thưởng, nâng bậc thợ, đào tạo nâng cao trình độ và các chế độ phúc lợi khác cho tác giả sáng kiến;

b) Ưu tiên xem xét, cấp kinh phí và tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu phát triển và hoàn thiện, áp dụng sáng kiến.

Điều 16. Chi phí cho hoạt động sáng kiến và các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến

1. Chi phí cho hoạt động sáng kiến trong đó có chi phí để tạo ra và áp dụng sáng kiến, trả thù lao, trả thưởng cho tác giả sáng kiến và những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu được thực hiện như sau:

a) Các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần kinh phí hoạt động thường xuyên được hỗ trợ một phần từ nguồn ngân sách Nhà nước trong dự toán chi ngân sách hàng năm của đơn vị trên cơ sở khả năng thu của đơn vị;

b) Các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm 100% kinh phí hoạt động thường xuyên chi từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;

c) Các đơn vị sự nghiệp được Nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên và các đơn vị, cơ quan khác của Nhà nước (không phải đơn vị sự nghiệp) chi trong dự toán chi ngân sách Nhà nước hàng năm.

2. Chi phí cho hoạt động sáng kiến đối với các doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.

3. Kinh phí thực hiện các hoạt động nêu tại Khoản 1 Điều 15 Quy định này được trích từ nguồn ngân sách giao dự toán hàng năm của các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, nguồn ngân sách Nhà nước của các cơ quan, tổ chức và các nguồn thu hợp pháp khác.

4. Mức chi cho Hội đồng xét công nhận sáng kiến thực hiện theo chế độ hiện hành của Nhà nước.

a) Kinh phí cho hoạt động của Hội đồng cơ sở được sử dụng nguồn kinh phí giao hàng năm của các cơ quan, đơn vị và do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định;

b) Kinh phí hoạt động của Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh được đảm bảo trích từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ. Mức chi thù lao cho các thành viên họp Hội đồng sáng kiến bằng mức chi thù lao của các thành viên họp Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh. Hàng năm Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm lập dự toán, thanh, quyết toán kinh phí cho hoạt động của Hội đồng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo

1. Các tranh chấp về quyền và nghĩa vụ của tác giả sáng kiến, người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu, chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, cơ sở được yêu cầu công nhận sáng kiến và cơ sở nhận chuyển giao sáng kiến được giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

2. Đối với các quyết định của cơ quan quản lý Nhà nước và hành vi của cán bộ, công chức vi phạm quy định quản lý Nhà nước về hoạt động sáng kiến thì việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan đơn vị

1. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm chủ trì hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Thủ trưởng các sở, ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Quy định này phù hợp với đặc thù của lĩnh vực, ngành mình quản lý. Định kỳ hằng năm (trước ngày 30 tháng 11) gửi báo cáo đến Sở Khoa học và Công nghệ về tình hình công nhận, phổ biến và áp dụng sáng kiến tại địa phương, đơn vị.

3. Sở Nội vụ (Ban thi đua - khen thưởng tỉnh) phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện đúng quy định.

4. Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan đơn vị có liên quan hướng dẫn công tác quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí cho hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành.

5. Định kỳ hàng năm Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm báo cáo tổng kết các hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh cho Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục Sở hữu trí tuệ, UBND tỉnh về tình hình công nhận, phổ biến, áp dụng sáng kiến, thông tin về các biện pháp khuyến khích hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc, các sở, ban ngành, các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./. *h*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Ánh